

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục thiết bị của Dự án đầu tư bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác sản xuất chương trình, truyền dẫn, phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2013/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về: “Quản lý dự án đầu tư xây dựng”; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về: “Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình”;

Căn cứ Quyết định số 4749/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phê duyệt Kế hoạch đầu tư bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác sản xuất chương trình, truyền dẫn, phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017”; Quyết định số 1163/QĐ-UBND, ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phê duyệt dự án đầu tư bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác sản xuất chương trình, truyền dẫn, phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá tại Tờ trình số 281/TTr-STC-HCSN ngày 25/01/2016 về việc: “Đề nghị phê duyệt điều chỉnh danh mục thiết bị thuộc Dự án đầu tư bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác sản xuất chương trình, truyền dẫn, phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015 - 2017”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh danh mục thiết bị của Dự án đầu tư bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác sản xuất chương trình, truyền dẫn, phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 để các ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chính như sau:

1. Lý do và nội dung điều chỉnh:

1.1. Lý do điều chỉnh: Sau khi thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị năm 2015, Đài Phát thanh và Truyền hình nhận thấy một số loại thiết bị không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật sản xuất truyền dẫn và phát sóng truyền hình số, do vậy việc điều chỉnh danh mục thiết bị mua sắm bổ sung trong 2 năm 2016-2017 là cần thiết để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho hoạt động của Đài;...

1.2. Nội dung điều chỉnh:

a) Điều chỉnh danh mục thiết bị: *(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)*.

b) Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh (theo Quyết định số 163/QĐ-UBND, ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa): 27.971,0 triệu đồng (Hai mươi bảy tỷ, chín trăm bảy mươi một triệu đồng).

c) Nguồn vốn đầu tư: Theo Quyết định số 1163/QĐ-UBND, ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Vốn Ngân sách tỉnh cấp: 11.000,0 triệu đồng.

- Nguồn thu sự nghiệp của Đài PT-TH: 16.971,0 triệu đồng.

d) Phân kỳ đầu tư: Thực hiện trong 3 năm, từ 2015-2017 như sau:

- Dự án đã thực hiện năm 2015 là: 8.025,0 triệu đồng (trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 2.000,0 triệu đồng; nguồn thu sự nghiệp của Đài 6.025,0 triệu đồng).

- Dự án còn lại thực hiện trong 2 năm 2016-2017:

+ Năm 2016 là: 9.824,0 triệu đồng (trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 4.000,0 triệu đồng; nguồn thu sự nghiệp của Đài: 5.824,0 triệu đồng).

+ Năm 2017 là: 10.122,0 triệu đồng (trong đó: Ngân sách hỗ trợ 5.000,0 triệu đồng; nguồn thu sự nghiệp của Đài: 5.122,0 triệu đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Các nội dung khác thực hiện như phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ- UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, các ngành và các đơn vị liên quan căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201619 (15).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *chưa*

Phạm Đăng Quyền
Phạm Đăng Quyền

TỔNG HỢP DỰ ÁN

Đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất chương trình - truyền dẫn - phát sóng truyền hình

của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa giai đoạn 2015-2017

(Kèm theo Quyết định số : 406 /QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền (nghìn đồng)		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb	Chi tiết thiết bị mua sắm	24.590.909	2.459.091	27.050.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	Gtb trước VAT x 1,803%			443.374
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv		170.601	17.060	302.501
1	Chi phí lập dự án đầu tư		Gtb trước VAT x 0,467%	104.400	10.440	114.840
2	Chi phí thẩm tra dự toán		Mức tối thiểu	1.818	182	2.000
3	Chi phí lập HSMT và phân tích, đánh giá HSDT mua sắm thiết bị		Gtb trước VAT x 0,203%	45.381	4.538	49.920
4	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		Gtb trước VAT x 0,552%	123.402	12.340	135.742
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		165.149	10.131	175.280
1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		Tổng mức đầu tư x 0,228%	63.840		63.840
2	Chi phí kiểm toán		Tổng mức đầu tư x 0,398%	101.309	10.131	111.440
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV):			24.926.659	2.486.282	27.971.155
	(Làm tròn số):					27.971.000

XĐ

DANH MỤC

thiết bị sản xuất chương trình - truyền dẫn - phát sóng truyền hình
của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa năm 2015-2017

(Kèm theo Quyết định số : 106/QĐ-UBND ngày 07/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung đầu tư	Thiết bị đầu tư			Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	
	Tổng cộng:				27.050
I	Thiết bị sản xuất chương trình truyền hình				18.600
1	Camera tại Studio Full HD: HSC-100R	Cái	2	2.200	4.400
2	Camera tại Studio: Loại AK-HC3800G	Cái	3	2.133	6.399
3	Bộ dụng HD đa định dạng Z820 hoặc Z840	Bộ	1	450	450
4	Bộ dụng HD đa định dạng Z840	Bộ	2	495	990
5	Camera Sony PMW 200	Cái	1	270	270
6	Camera phóng viên: Loại PXW- X200	Cái	5	308	1.540
7	Bộ mã hóa truyền audio/video cho cầu truyền hình loại HD công nghệ: Skype NewTek/USA	Bộ	2	120	240
8	Bộ chuyển đổi từ 4/3 sang 16/9	Bộ	1	240	240
9	Bộ thu phát cáp quang 1 Channel SD/HD Singlemode	Bộ	2	45	90
10	Bàn trộn hình SD/HD/3D có sẵn 16 ngõ vào SDI - AV-HS450E	Bộ	1	1.151	1.151
11	Màn hình Full HD LCD chuyên dùng: Kích thước 50" - TH-50LFC70 kèm 02 Bo mạch số (HD-SDI) cho màn hình - TH-FB10HD	Bộ	2	215	430
12	Màn hình TFT LCD 18.5-inches	Bộ	3	142	426
13	Hệ thống đồng bộ và phân chia tín hiệu	Bộ	2	100	200
14	Audio Mixer số 16 kênh micro input -1604-VLZ ProMackie/Asia	Bộ	3	63	189
15	Máy tạo chữ	Bộ	2	450	900
16	Bàn trộn hình SD/HD có sẵn 8 ngõ vào tích hợp FS: 01 bộ-AV-HS410E	Bộ	1	479	479
17	Bộ truyền quang 1 kênh từ SD/HD-SDI to LC 45km (01 thu, 01 phát)	Bộ	1	46	46
18	Các loại dây jac kết nối, tích hợp hệ thống và chuyển giao công nghệ	Bộ	1	160	160
II	Thiết bị truyền dẫn, phát sóng truyền hình				8.450
1	Máy phát sóng Main: Play Box - EU	Cái	1	540	540
2	Máy phát sóng back up	Cái	1	650	650

[Signature]

STT	Nội dung đầu tư	Thiết bị đầu tư			Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	
3	Máy bản chữ và đồ họa: Play Box - EU	Cái	1	540	540
4	Phần mềm copy dữ liệu tự động: SafeBox-EU	Bản	1	190	190
5	Router chuyển mạch 16x2	Bộ	1	290	290
6	Máy lập lịch phát sóng	Cái	1	120	120
7	Channel Digital Video Swicher	Cái	1	310	310
8	Nâng cấp phần mềm phát sóng Upgrade to ABHD PlayBox/EU 2 bản	Bản	2	385	770
9	Nâng cấp phần cứng hệ thống (Card Raid chuyên dụng và ổ cứng lên 5TB)	Bản	1	250	250
10	Nâng cấp máy bản chữ đồ họa từ SD lên HD Upgrade to THB PlayBox/EU	Bản	1	230	230
11	Thiết bị chuyển mạch 1616HD-3G Sierra Video/Israel	Cái	1	220	220
12	Thiết bị chuyển đổi và phân phối tín hiệu EMDEC-200	Cái	1	370	370
13	Frame Sync/Converter with Madi audio, 1 RU	Bản	1	220	220
14	Tivi theo dõi tín hiệu 48" Sony hoặc Samsung/liên doanh x 2 chiếc	Cái	2	35	70
15	Bộ kiểm tra âm thanh nhúng HDL-AUDMONIRU Blackmagic Design/Singapore 01 bộ	Bộ	1	65	65
16	Màn hình theo dõi tín hiệu 2x8" HDL-SMTVDUO Blackmagic Design/Singapore: 01 chiếc	Cái	1	30	30
17	Màn hình kiểm tra chất lượng tín hiệu 2x 8" HDL TWSCOPEDUO4K Blackmagic Design/Singapore	Cái	1	50	50
18	Lắp đặt, tích hợp hệ thống	HT	1	50	50
19	Nâng cấp máy thu ghi dữ liệu từ SD lên HD Upgrade to CBHD PlayBox/EU	Bộ	3	190	570
20	Bộ dựng Z840	Bộ	5	495	2.475
21	Bộ tạo Logo/Tiile Generator chất lượng SD/HD	Bộ	1	440	440

Handwritten signature

PHÂN KỲ ĐẦU TƯ (Từ năm 2015-2017)

Dự án đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất, truyền dẫn, phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số : 906 /QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung đầu tư	Thiết bị đầu tư			Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Phân kỳ		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
	Tổng cộng:				27.971	8.025	9.824	10.122
I	Thiết bị sản xuất chương trình truyền hình				18.600	5.120	9.499	3.981
1	Camera tại Studio Full HD: HSC-100R	Cái	2	2.200	4.400	4.400		
2	Camera tại Studio: Loại AK-HC3800G	Cái	3	2.133	6.399		6.399	
3	Bộ dụng HD đa định dạng Z820 hoặc Z840	Bộ	1	450	450	450		
4	Bộ dụng HD đa định dạng Z840	Bộ	2	495	990		990	
5	Camera Sony PMW 200	Cái	1	270	270	270		
6	Camera phóng viên: Loại PXW- X200	Cái	5	308	1.540		1.540	
7	Bộ mã hóa truyền audio/video cho cầu truyền hình loại HD công nghệ: Skype NewTek/USA	Bộ	2	120	240		240	
8	Bộ chuyển đổi từ 4/3 sang 16/9	Bộ	1	240	240		240	
9	Bộ thu phát cáp quang 1 Channel SD/HD Singlemode	Bộ	2	45	90		90	
10	Bàn trộn hình SD/HD/3D có sẵn 16 ngõ vào SDI - AV-HS450E	Bộ	1	1.151	1.151			1.151
11	Màn hình Full HD LCD chuyên dùng: Kích thước 50" - TH-50LFC70 kèm 02 Bo mạch số (HD-SDI) cho màn hình - TH-FB10HD	Bộ	2	215	430			430
12	Màn hình TFT LCD 18.5-inches	Bộ	3	142	426			426
13	Hệ thống đồng bộ và phân chia tín hiệu	Bộ	2	100	200			200
14	Audio Mixer số 16 kênh micro input -1604-VLZ ProMackie/Asia	Bộ	3	63	189			189
15	Máy tạo chữ	Bộ	2	450	900			900
16	Bàn trộn hình SD/HD có sẵn 8 ngõ vào tích hợp FS: 01 bộ- AV-HS410E	Bộ	1	479	479			479
17	Bộ truyền quang 1 kênh từ SD/HD-SDI to LC 45km (01 thu, 01 phát)	Bộ	1	46	46			46
18	Các loại dây jac kết nối, tích hợp hệ thống và chuyển giao công nghệ	Bộ	1	160	160			160
II	Thiết bị truyền dẫn, phát sóng truyền hình				8.450	2.640	-	5.810
1	Máy phát sóng Main: Play Box - EU	Cái	1	540	540	540		
2	Máy phát sóng back up	Cái	1	650	650	650		

STT	Nội dung đầu tư	Thiết bị đầu tư			Tổng kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Phân kỳ		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
3	Máy bản chữ và đồ họa: PlayBox -EU	Cái	1	540	540	540		
4	Phần mềm copy dữ liệu tự động: SafeBox-EU	Bản	1	190	190	190		
5	Router chuyển mạch 16x2	Bộ	1	290	290	290		
6	Máy lập lịch phát sóng	Cái	1	120	120	120		
7	Channel Digital Video Swicher	Cái	1	310	310	310		
8	Nâng cấp phần mềm phát sóng Upgrade to ABHD PlayBox/EU 2 bản	Bản	2	385	770			770
9	Nâng cấp phần cứng hệ thống (Card Raid chuyên dụng và ổ cứng lên 5TB)	Bản	1	250	250			250
10	Nâng cấp máy bản chữ đồ họa từ SD lên HD Upgrade to THB PlayBox/EU	Bản	1	230	230			230
11	Thiết bị chuyển mạch 1616HD-3G Sierra Video/Israel	Cái	1	220	220			220
12	Thiết bị chuyển đổi và phân phối tín hiệu EMDEC-200	Cái	1	370	370			370
13	Frame Sync/Converter with Madi audio, 1 RU	Bản	1	220	220			220
14	Tivi theo dõi tín hiệu 48" Sony hoặc Samsung/liên doanh x 2 chiếc	Cái	2	35	70			70
15	Bộ kiểm tra âm thanh nhúng HDL-AUDMONIRU Blackmagic Design/Singapore 01 bộ	Bộ	1	65	65			65
16	Màn hình theo dõi tín hiệu 2x8" HDL-SMTVDUO Blackmagic Design/Singapore: 01 chiếc	Cái	1	30	30			30
17	Màn hình kiểm tra chất lượng tín hiệu 2x 8" HDL TWSCOPEDUO4K Blackmagic Design/Singapore	Cái	1	50	50			50
18	Lắp đặt, tích hợp hệ thống	HT	1	50	50			50
19	Nâng cấp máy thu ghi dữ liệu từ SD lên HD Upgrade to CBHD PlayBox/EU	Bộ	3	190	570			570
20	Bộ dụng Z840	Bộ	5	495	2.475			2.475
21	Bộ tạo Logo/Tiile Generator chất lượng SD/HD	Bộ	1	440	440			440
III	Chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư và chi phí khác				921	265	325	331

Handwritten signature